

Số: /KH-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

## **KẾ HOẠCH**

### **Triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa**

Thực hiện Quyết định số 2371/QĐ-TTg ngày 27/10/2025 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Đề án “Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045”; Công văn số 8151/BGDĐT-ĐANN ngày 11/12/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa, với các nội dung sau:

## **I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

### **1. Mục đích**

- Cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Quyết định số 2371/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tổ chức triển khai thực hiện thống nhất, đồng bộ, hiệu quả trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; quán triệt, nâng cao nhận thức, tạo sự đồng thuận của toàn xã hội về chủ trương đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế sâu rộng về giáo dục và đào tạo, văn hóa, kinh tế tri thức trong bối cảnh toàn cầu hóa.

- Xây dựng các giải pháp đồng bộ để đổi mới toàn diện công tác dạy và học tiếng Anh theo hướng phát triển kỹ năng; đổi mới kiểm tra, đánh giá học sinh, sinh viên theo chuẩn năng lực ngôn ngữ; đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm, học liệu phục vụ dạy và học tiếng Anh; phát triển tiếng Anh cộng đồng, đội ngũ giáo viên dạy tiếng Anh và giáo viên dạy các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh đủ về số lượng, bảo đảm chất lượng, tạo môi trường thuận lợi nhất để đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh.

### **2. Yêu cầu**

- Các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp phải bám sát nội dung, định hướng của Quyết định số 2371/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; đồng thời phù hợp với điều kiện thực tiễn, đặc thù kinh tế- xã hội và yêu cầu phát triển nguồn nhân lực của tỉnh Thanh Hóa.

- Bảo đảm đầy đủ, rõ ràng mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp và lộ trình cụ thể đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học theo từng giai đoạn phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương, vùng miền bảo đảm chất lượng, thiết thực, hiệu quả.

- Huy động các nguồn lực, phát huy tối đa điều kiện, nguồn lực hiện có; các địa phương, cơ sở giáo dục có điều kiện kinh tế - xã hội thuận lợi chủ động xây dựng, nhân rộng mô hình điển hình, tạo sự lan tỏa trong xã hội; đẩy mạnh xã hội hóa trong việc dạy học tiếng Anh và tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh trên địa bàn.

- Việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học phải bảo đảm phù hợp với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về hội nhập quốc tế; bảo đảm ngôn ngữ tiếng Việt và giữ gìn bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc văn hóa vùng miền; tăng cường sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương trong triển khai thực hiện Kế hoạch, bảo đảm nguyên tắc “06 rõ”: rõ người, rõ việc, rõ thời gian, rõ trách nhiệm, rõ sản phẩm và rõ thẩm quyền.

## **II. MỤC TIÊU VÀ LỘ TRÌNH THỰC HIỆN**

### **1. Mục tiêu chung**

a) Đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa theo lộ trình phù hợp; đến năm 2035 hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục; đến năm 2045, tiếng Anh trở thành công cụ giao tiếp phổ biến trong dạy học, quản lý và các hoạt động giáo dục của nhà trường, gắn với việc triển khai lộ trình phát triển các cơ sở giáo dục đạt Mức độ 1 đến Mức độ 3<sup>1</sup> theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

b) Nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục để góp phần hình thành thể hệ công dân toàn cầu, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế- xã hội của tỉnh, cụ thể như sau:

- Đối với giáo dục mầm non: Giúp trẻ được trải nghiệm, làm quen với tiếng Anh; hướng tới hình thành và phát triển năng lực giao tiếp bằng tiếng Anh, chuẩn bị tốt cho việc học tiếng Anh ở cấp học phổ thông.

- Đối với giáo dục phổ thông: Giúp học sinh hình thành, phát triển năng lực, kỹ năng sử dụng tiếng Anh trong phát triển tư duy và phẩm chất, năng lực học tập các môn học, các hoạt động giáo dục, giao lưu, trải nghiệm trong và ngoài nhà trường góp phần phát triển con người toàn diện trong thời đại hội nhập quốc tế sâu rộng.

- Đối với giáo dục đại học: Từng bước đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai được sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong giảng dạy, quản lý, nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Nâng cao năng lực tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ, giảng viên và người học, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế. Xây dựng môi trường giáo dục có sử dụng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tiễn.

---

<sup>1</sup> Mục tiêu cụ thể có thể được điều chỉnh cho phù hợp, đảm bảo tính khả thi sau khi Bộ GDĐT ban hành hướng dẫn cụ thể về các tiêu chí đánh giá các Mức độ 1, Mức độ 2 và Mức độ 3.

- Đối với giáo dục nghề nghiệp: Nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh trong giao tiếp và định hướng nghề nghiệp, đáp ứng yêu cầu của thị trường lao động trong tỉnh, trong nước và quốc tế. Phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh hiệu quả trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Đối với giáo dục thường xuyên: Nâng cao năng lực tiếng Anh cho người học giáo dục thường xuyên, đa dạng hóa hình thức và nội dung học tập tiếng Anh nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của xã hội, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### ***a) Đối với giáo dục mầm non***

- Giai đoạn 2025 - 2030: 100% số cơ sở giáo dục mầm non tại các vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh; ít nhất 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 1.

- Giai đoạn 2030 - 2035:

+ Ít nhất 80% số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh.

+ 100% số cơ sở giáo dục mầm non vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh.

+ Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: 90% số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh để tạo nền tảng ban đầu, góp phần đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; 15% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: 100% số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện việc cho trẻ em làm quen với tiếng Anh, tạo nền tảng, góp phần đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục mầm non trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 3.

### ***b) Đối với giáo dục phổ thông***

- Giai đoạn 2025 - 2030: 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1; ít nhất 20% số cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; 5% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 2% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; 15% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.

### ***c) Đối với giáo dục đại học***

- Giai đoạn 2025 - 2030: Trường Đại học Hồng Đức đạt Mức độ 1.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Trường Đại học Hồng Đức đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2035 - 2045: Trường Đại học Hồng Đức đạt Mức độ 3.

### ***d) Đối với giáo dục nghề nghiệp***

- Giai đoạn 2025 - 2030: Ít nhất 15% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; phần đầu có 5% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2030- 2035: Ít nhất 35% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; phần đầu có 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: Ít nhất 40% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; phần đầu có 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 50% cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh đạt Mức độ 1; phần đầu có 20% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.

### ***đ) Đối với giáo dục thường xuyên***

- Giai đoạn 2025 - 2030: Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 5% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2.

- Giai đoạn 2030 - 2035: Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 10% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.

- Giai đoạn 2035 - 2045:

+ Đến năm 2040: ít nhất 50% số cơ sở giáo dục thường xuyên (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 15% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.

+ Đến năm 2045: Ít nhất 60% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 20% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.

*(Chi tiết tại Phụ lục 1 kèm theo).*

### **3. Lộ trình thực hiện**

#### ***a) Giai đoạn 2025 - 2030***

- Tập trung xây dựng nền tảng và các điều kiện cần thiết để triển khai việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học; đồng thời tổ chức thí điểm, từng bước hình thành và nhân rộng các mô hình phù hợp trong việc triển khai đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Tổ chức rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên trên địa bàn tỉnh; cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng công nghệ, chương trình, học liệu và các điều kiện bảo đảm; xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, tuyển dụng, bố trí đội ngũ và đầu tư theo từng cấp học, trình độ đào tạo, địa phương và cơ sở giáo dục.

- Triển khai các cơ chế, chính sách, hướng dẫn của Trung ương và của tỉnh; xây dựng, hoàn thiện hệ thống theo dõi, kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh; bảo đảm triển khai dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1; mở rộng việc cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh tại các cơ sở đủ điều kiện.

- Lựa chọn các cơ sở giáo dục có đủ điều kiện để tổ chức thí điểm dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh; xây dựng môi trường sử dụng tiếng Anh trong và ngoài lớp học; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm để từng bước nhân rộng các điển hình, mô hình hay.

- Tập trung đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sư phạm và năng lực dạy học bằng tiếng Anh cho đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên trên địa bàn tỉnh, từng bước bổ sung, bố trí đội ngũ đáp ứng yêu cầu triển khai.

- Ưu tiên đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học ngoại ngữ, hạ tầng công nghệ; phát triển, khai thác học liệu số, học liệu mở và các nền tảng phục vụ dạy học, kiểm tra, đánh giá và tự học tiếng Anh.

- Tăng cường truyền thông, hợp tác quốc tế và huy động các nguồn lực xã hội hóa hỗ trợ triển khai Kế hoạch.

- Đến năm 2030, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của giai đoạn 2025 - 2030 của Kế hoạch; tổ chức sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện, xác định những khó khăn, hạn chế và điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn tiếp theo.

***b) Giai đoạn 2030 - 2035***

- Tập trung mở rộng phạm vi triển khai, chuẩn hóa các điều kiện bảo đảm, nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh; nhân rộng các mô hình có hiệu quả, từng bước hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

- Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa và sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên, giảng viên; chú trọng phát triển đội ngũ có khả năng dạy các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh.

- Nhân rộng các mô hình đã được thí điểm, đánh giá có hiệu quả; tăng số cơ sở giáo dục, môn học và hoạt động giáo dục được tổ chức bằng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tế.

- Đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra, đánh giá theo hướng phát triển năng lực người học, tăng cường kỹ năng giao tiếp, thực hành và vận dụng tiếng Anh; từng bước tiếp cận các chuẩn đánh giá quốc tế phù hợp.

- Phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong nhà trường thông qua các hoạt động học tập, trải nghiệm, câu lạc bộ, giao lưu và các hoạt động giáo dục khác.

- Tiếp tục hoàn thiện cơ sở vật chất, thiết bị, hạ tầng công nghệ, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và hệ thống học liệu dùng chung; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý.

- Mở rộng hợp tác quốc tế, trao đổi giáo viên, học sinh, sinh viên; tiếp nhận, lựa chọn và nhân rộng các mô hình, kinh nghiệm giáo dục tiên tiến phù hợp với điều kiện của tỉnh.

- Đến năm 2035, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của giai đoạn 2030 - 2035 của Kế hoạch; hình thành hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục; tổ chức sơ kết, đánh giá để xác định nhiệm vụ, giải pháp cho giai đoạn 2035 - 2045.

***c) Giai đoạn 2035 - 2045***

- Tập trung hoàn thiện, mở rộng và phát triển bền vững hệ sinh thái sử dụng tiếng Anh trong trường học; nâng cao mức độ sử dụng tiếng Anh trong dạy học, quản lý và các hoạt động giáo dục phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo và điều kiện thực tế.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ, bảo đảm đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh; tăng cường năng lực sử dụng tiếng Anh cho cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên và người học.

- Mở rộng dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh trên cơ sở các mô hình đã được kiểm chứng; bảo đảm tính kế thừa, liên thông giữa các cấp học và trình độ đào tạo.

- Hoàn thiện phương pháp dạy học, hệ thống kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh của người học theo chuẩn đầu ra; tăng cường áp dụng các hình thức đánh giá hiện đại, phù hợp với xu thế quốc tế.

- Hoàn thiện hạ tầng công nghệ, cơ sở dữ liệu, nền tảng số và hệ thống học liệu; khai thác hiệu quả công nghệ số và trí tuệ nhân tạo phục vụ dạy học, tự học, kiểm tra, đánh giá và quản lý.

- Tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế, huy động nguồn lực xã hội hóa, tiếp nhận và vận dụng các mô hình giáo dục tiên tiến; duy trì, nâng cao chất lượng và tính bền vững của môi trường sử dụng tiếng Anh trong các cơ sở giáo dục.

- Đến năm 2045, hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu của Kế hoạch trên địa bàn tỉnh; tiếng Anh trở thành công cụ giao tiếp được sử dụng thường xuyên, hiệu quả trong dạy học, quản lý và các hoạt động giáo dục phù hợp; tổ chức tổng kết, đánh giá toàn diện kết quả thực hiện Kế hoạch.

### **III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của xã hội về vai trò của tiếng Anh trong giáo dục và hội nhập**

- Tổ chức quán triệt, tuyên truyền sâu rộng về mục tiêu, ý nghĩa, nội dung đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học đến các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh và người học nhằm tạo sự thống nhất trong nhận thức và hành động; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, tổ chức, phát huy vai trò của người đứng đầu cấp ủy đảng, chính quyền, tạo sự thống nhất, đồng thuận, quyết tâm cao trong việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng và triển khai kế hoạch truyền thông tổng thể, phù hợp với từng thành phần, đối tượng; đa dạng hóa hình thức truyền thông trên báo chí, phát thanh, truyền hình, công thông tin điện tử, mạng xã hội và các nền tảng số để các cơ quan, đơn vị, cơ sở giáo dục, cán bộ quản lý, giáo viên, phụ huynh và người học hiểu đúng, hiểu đủ, đồng thuận và tích cực tham gia trong quá trình thực hiện.

- Tăng cường truyền thông nội bộ trong nhà trường; lồng ghép nội dung sử dụng tiếng Anh trong các hoạt động giáo dục nhằm hình thành thói quen sử dụng tiếng Anh trong môi trường học đường.

#### **2. Triển khai thực hiện cơ chế, chính sách đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học**

- Tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách, bao gồm chính sách phát triển đội ngũ giáo viên, đầu tư cơ sở vật chất, hỗ trợ dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh phù hợp với điều kiện thực tiễn của tỉnh.

- Tổ chức triển khai các quy định về chương trình, chuẩn đầu ra, tiêu chí đánh giá và dạy học tiếng Anh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm tính thống nhất, liên thông, khả thi trong tổ chức dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh trong các cấp học.

- Thực hiện cơ chế giám sát, đánh giá và cập nhật việc thực hiện chính sách; rà soát việc triển khai, đề xuất điều chỉnh các nội dung thực hiện phù hợp với yêu cầu thực tiễn và theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Khuyến khích và huy động các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân trong và ngoài nước tham gia đầu tư, hỗ trợ phát triển dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh, cung cấp học liệu, dịch vụ giáo dục và giải pháp công nghệ.

- Triển khai chính sách hỗ trợ người học, đặc biệt là học sinh vùng khó khăn, miền núi, vùng đồng bào dân tộc thiểu số trong việc tiếp cận học tiếng Anh và tham gia các hoạt động học tập, trải nghiệm bằng tiếng Anh.

- Triển khai hệ thống theo dõi, giám sát trên phạm vi toàn tỉnh; tổ chức kiểm tra định kỳ và đột xuất tại các cơ sở giáo dục; thực hiện chế độ báo cáo, tổng hợp, đánh giá kết quả phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành.

### **3. Phát triển đội ngũ và nâng cao chất lượng bồi dưỡng cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy bằng tiếng Anh, đảm bảo đủ về số lượng, đồng bộ về chất lượng**

- Rà soát, đánh giá thực trạng đội ngũ giáo viên, giảng viên; trên cơ sở đó xây dựng kế hoạch phát triển, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức và bổ sung biên chế giáo viên tiếng Anh theo lộ trình.

- Thực hiện đánh giá, phân loại và sử dụng hiệu quả đội ngũ giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ và chuẩn năng lực.

- Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sư phạm và phương pháp giảng dạy hiện đại, đáp ứng yêu cầu dạy học tiếng Anh và dạy học các môn bằng tiếng Anh.

- Tăng cường sinh hoạt chuyên môn; khuyến khích giáo viên, giảng viên tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, hợp đồng, bố trí, sử dụng đội ngũ giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh phù hợp với nhu cầu thực tế của từng cấp học.

- Triển khai cơ chế, chính sách hợp đồng với người nước ngoài sử dụng thành thạo tiếng Anh tham gia dạy học tại các cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh.

- Thực hiện đầy đủ chế độ, chính sách đối với giáo viên, giảng viên, cơ chế thu hút, đãi ngộ đối với sinh viên giỏi tiếng Anh mới tốt nghiệp và hỗ trợ giáo viên tiếng Anh đến công tác tại khu vực khó khăn của tỉnh.



- Tổ chức bồi dưỡng, nâng cao và chuẩn hóa năng lực tiếng Anh đối với giáo viên tiếng Anh, giáo viên dạy các môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh theo yêu cầu của từng vị trí việc làm, cấp học và theo lộ trình phù hợp.

- Ưu tiên phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh ở cấp học mầm non và tiểu học, bảo đảm đủ điều kiện triển khai chương trình theo quy định.

- Tăng cường liên kết giữa các cơ sở đào tạo giáo viên, trường đại học, cơ sở giáo dục trong tỉnh và ngoài tỉnh nhằm hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh.

#### **4. Triển khai chương trình, học liệu dạy học tiếng Anh và dạy học các môn học/hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh ở các cấp học và trình độ đào tạo**

- Triển khai chương trình, giáo trình, sách giáo khoa và học liệu dạy học tiếng Anh theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm tính thống nhất và phù hợp giữa các cấp học.

- Tăng cường phát triển học liệu và chương trình tiếng Anh chuyên ngành gắn với nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực của tỉnh, đặc biệt trong các lĩnh vực kinh tế- xã hội trọng điểm.

- Tổ chức cho trẻ mầm non làm quen với tiếng Anh theo hướng dẫn, phù hợp với tâm lý lứa tuổi và điều kiện thực tế.

- Tổ chức dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1 tại các trường tiểu học, bảo đảm đủ giáo viên và điều kiện dạy học theo quy định.

- Tổ chức thi điểm dạy học một số môn học và hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đủ điều kiện; tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm trước khi triển khai diện rộng trên địa bàn.

- Tăng cường tổ chức các hoạt động làm quen, trải nghiệm, giao tiếp và sử dụng tiếng Anh phù hợp với điều kiện của cơ sở giáo dục, giúp người học từng bước hình thành và nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh, bảo đảm tính liên thông, kế thừa giữa các cấp học, trình độ đào tạo trong dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh.

- Triển khai thực hiện chuẩn đầu ra về năng lực tiếng Anh đối với người học theo từng cấp học và trình độ đào tạo.

- Tăng cường phát triển, khai thác và sử dụng học liệu số, học liệu mở, dùng chung trong dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh, bảo đảm hiệu quả, tiết kiệm và khả năng tiếp cận rộng rãi.

#### **5. Đổi mới phương pháp dạy học, phương thức thi, kiểm tra, đánh giá, đẩy mạnh xây dựng môi trường tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học**

- Đổi mới phương pháp dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh theo hướng phát triển năng lực, tăng cường kỹ năng giao tiếp, chú trọng thực hành và ứng dụng trong thực tiễn.

- Đa dạng hóa hình thức tổ chức dạy học; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, giao lưu, câu lạc bộ và môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường, tạo điều kiện cho người học sử dụng tiếng Anh thường xuyên trong học tập và giao tiếp.

- Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh của người học theo chuẩn đầu ra; tổ chức triển khai theo quy định, hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; kết hợp đánh giá thường xuyên và định kỳ, từng bước tiếp cận các chuẩn đánh giá quốc tế.

## **6. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ tiên tiến, trí tuệ nhân tạo (AI), tăng cường điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị bảo đảm chất lượng cho phát triển hoạt động giáo dục, dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh**

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số và trí tuệ nhân tạo (AI) trong dạy học, kiểm tra, đánh giá và quản lý việc học tiếng Anh theo hướng cá nhân hóa, phù hợp, hiệu quả.

- Khuyến khích giáo viên khai thác AI và học liệu số để thiết kế bài giảng, xây dựng học liệu song ngữ, bài tập, ngân hàng câu hỏi; hỗ trợ học sinh tự học tiếng Anh và từng bước tiếp cận nội dung một số môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh.

- Từng bước ứng dụng công nghệ số, AI và học liệu song ngữ để hỗ trợ dạy học một số môn học, hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh tại các cơ sở giáo dục đủ điều kiện; bảo đảm phù hợp chương trình, năng lực giáo viên, học sinh và điều kiện thực tế của nhà trường.

- Xây dựng hạ tầng công nghệ, nền tảng số, cơ sở dữ liệu và thư viện học liệu số dùng chung; kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các cơ sở giáo dục phục vụ quản lý, theo dõi, đánh giá việc triển khai thực hiện.

- Đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; từng bước trang bị phòng học ngoại ngữ, phòng học thông minh, thiết bị hỗ trợ dạy học trực tuyến và kết nối các hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh trong tỉnh, trong nước và quốc tế; đồng thời bảo đảm an toàn thông tin, bảo vệ dữ liệu cá nhân, bản quyền, đạo đức nghề nghiệp và không thay thế vai trò chủ đạo của giáo viên.

## **7. Tăng cường hợp tác quốc tế, đẩy mạnh xã hội hóa để đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học**

- Tăng cường hợp tác với các tổ chức, cơ sở giáo dục quốc tế trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ, phát triển chương trình và học liệu.

- Tổ chức các hoạt động trao đổi giáo viên, học sinh, sinh viên nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng Anh.

- Tiếp nhận, chuyển giao các chương trình, mô hình dạy học tiếng Anh tiên tiến phù hợp với điều kiện của địa phương để triển khai và nhân rộng.

- Huy động nguồn lực xã hội hóa để đầu tư phát triển dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh.

- Thu hút và sử dụng hiệu quả giáo viên bản ngữ, chuyên gia nước ngoài tham gia giảng dạy, đào tạo, bồi dưỡng tại các cơ sở giáo dục.

### **8. Phát động phong trào thi đua, khen thưởng**

- Phát động các phong trào thi đua tại các cơ sở giáo dục và các địa phương trong thực hiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học một cách thiết thực, hiệu quả; kịp thời biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích trong dạy học tiếng Anh.

- Gắn kết quả thực hiện với tiêu chí đánh giá thi đua hàng năm của các cơ sở giáo dục và người đứng đầu.

- Tổ chức đánh giá, sơ kết theo từng giai đoạn và tổng kết Kế hoạch; kịp thời phát hiện, nhân rộng mô hình hay, cách làm sáng tạo trong việc thực hiện đưa tiếng Anh trở thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên các kênh truyền thông chính thức nhằm lan tỏa giá trị, tạo động lực thi đua thực chất; đồng thời rà soát, điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phù hợp với yêu cầu thực tiễn.

*(Chi tiết tại Phụ lục 2 kèm theo).*

## **IV. KINH PHÍ**

### **1. Kinh phí**

- Giai đoạn 2025 - 2030: Dự kiến 307,750 tỷ đồng (Ba trăm linh bảy tỷ, bảy trăm năm mươi triệu đồng).

- Giai đoạn 2030 - 2045: Căn cứ tình hình thực tế, khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu đề xuất kinh phí thực hiện theo quy định.

### **2. Nguồn kinh phí**

Ngân sách nhà nước bảo đảm theo phân cấp ngân sách hiện hành và khả năng cân đối ngân sách trong từng thời kỳ; nguồn thu hợp pháp của các cơ sở giáo dục; nguồn xã hội hóa và các nguồn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

## **V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **1. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Xây dựng kế hoạch cụ thể triển khai Kế hoạch, bảo đảm phân công rõ trách nhiệm, tiến độ, sản phẩm và thẩm quyền thực hiện. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án, bảo đảm phù hợp với từng cấp học, trình độ đào tạo.

- Phối hợp tổ chức rà soát, đánh giá năng lực tiếng Anh của đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên trên diện rộng; xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ theo lộ trình phù hợp.

- Chủ trì, phối hợp xây dựng kế hoạch tuyển dụng, hợp đồng đội ngũ giáo viên hàng năm, theo giai đoạn để đảm bảo đủ đội ngũ triển khai nhằm đạt được mục tiêu Kế hoạch.

- Phối hợp với Sở Tài chính tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn ngân sách địa phương để thực hiện Kế hoạch theo lộ trình, đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật.

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan liên quan tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách: đãi ngộ đặc thù đối với giáo viên và cán bộ quản lý; thu hút người nước ngoài sử dụng thành thạo tiếng Anh tham gia dạy học tại các cơ sở giáo dục công lập; khuyến khích xã hội hóa trong đầu tư dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh.

- Phối hợp với các cơ quan liên quan triển khai các nhiệm vụ khoa học liên quan tới nâng cao chất lượng dạy học tiếng Anh; tổ chức tuyên truyền các chủ trương, cơ chế, chính sách thúc đẩy việc dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh; biểu dương, khen thưởng các doanh nghiệp, nhà đầu tư tích cực trong việc thực hiện xã hội hóa.

- Tăng cường hợp tác quốc tế, mời chuyên gia, giáo viên bản ngữ; mở rộng liên kết với các cơ sở, tổ chức giáo dục quốc tế.

- Tổ chức theo dõi, kiểm tra, đánh giá, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; tổng hợp các khó khăn, vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện, đề xuất UBND tỉnh xem xét, chỉ đạo giải quyết; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo kết quả thực hiện về Bộ Giáo dục và Đào tạo và UBND tỉnh theo quy định.

## **2. Sở Tài chính**

- Trên cơ sở đề xuất của Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan, căn cứ khả năng cân đối ngân sách địa phương trong từng thời kỳ, tham mưu báo cáo UBND tỉnh xem xét bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các quy định pháp luật có liên quan.

- Phối hợp tham mưu cơ chế huy động nguồn lực xã hội hóa, đối ứng các dự án hợp tác quốc tế.

## **3. Sở Nội vụ**

- Chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung biên chế, số lượng người làm việc cho ngành giáo dục để có đủ nhân lực triển khai, thực hiện đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc phê duyệt danh mục vị trí việc làm, điều chỉnh vị trí việc làm, cơ cấu viên chức theo chức danh nghề nghiệp của các cơ quan, đơn vị, địa phương bảo đảm đúng quy định hiện hành của pháp luật.

## **4. Sở Khoa học và Công nghệ**

- Phối hợp, hướng dẫn về giải pháp công nghệ trong phát triển học liệu số, thư viện số và các nền tảng phục vụ dạy và học tiếng Anh; hỗ trợ kết nối, chia sẻ dữ liệu, bảo đảm đồng bộ với các nền tảng số dùng chung của tỉnh.

- Phối hợp tham mưu triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến nâng cao chất lượng dạy học ngoại ngữ theo quy định.

## **5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch**

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan chỉ đạo, định hướng các cơ quan báo chí, hệ thống thông tin cơ sở tăng cường tuyên truyền về các nội dung đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học trên các phương tiện thông tin đại chúng, bảo đảm thường xuyên, liên tục, có trọng tâm, trọng điểm.

- Chủ trì, hướng dẫn hệ thống thiết chế văn hoá cơ sở (Trung tâm Văn hoá - Thể thao cấp xã, Nhà Văn hoá - Khu thể thao thôn, bản...) xây dựng, phát triển không gian phòng đọc, học tập cộng đồng có yếu tố tiếng Anh; tăng cường bổ sung tài liệu, học liệu tiếng Anh, từng bước hình thành môi trường và thói quen sử dụng tiếng Anh.

- Phối hợp triển khai thực hiện các nội dung Kế hoạch thông qua tổ chức các sự kiện, hoạt động về du lịch; lồng ghép, hướng dẫn, khuyến khích các khu, điểm du lịch, cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, góp phần tạo môi trường giao tiếp thực tế.

## **6. Sở Ngoại vụ**

- Kết nối với đại sứ quán, tổ chức quốc tế, cơ sở giáo dục nước ngoài để hỗ trợ triển khai các chương trình hợp tác trao đổi giáo viên và học sinh.

- Hỗ trợ triển khai thu hút tình nguyện viên, chuyên gia bản ngữ đến giảng dạy tại các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh.

## **7. Các sở, ban, ngành liên quan**

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ được giao và theo quy định của pháp luật hiện hành.

## **8. Ủy ban nhân dân các xã, phường**

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch tại địa phương phù hợp với điều kiện thực tế và mục tiêu, lộ trình của tỉnh.

- Chỉ đạo các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý xây dựng kế hoạch cụ thể, triển khai các nhiệm vụ, giải pháp đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học.

- Rà soát nhu cầu đội ngũ giáo viên, cơ sở vật chất, trang thiết bị, học liệu và các điều kiện bảo đảm để thực hiện Kế hoạch;

- Huy động các nguồn lực hợp pháp tại địa phương để hỗ trợ triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch tại các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý; báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao theo Kế hoạch gửi về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch triển khai thực hiện Đề án "Đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học giai đoạn 2025 - 2035, tầm nhìn đến năm 2045" trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa; yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc triển khai thực hiện đảm bảo chất lượng, hiệu quả. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh các khó khăn, vướng mắc vượt thẩm quyền đề nghị các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Sở Giáo dục và Đào tạo để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh xem xét, giải quyết theo quy định./.

**Nơi nhận:**

- Bộ Giáo dục và Đào tạo (để b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Các sở, ngành, đơn vị cấp tỉnh;
- UBND các xã, phường;
- Lưu: VT, VHXH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Đâu Thanh Tùng**

**PHỤ LỤC 1: MỤC TIÊU CỤ THỂ**  
(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày        /        /2026 của UBND tỉnh)

| STT | Nhóm giáo dục    | Mốc/giai đoạn | Tên chỉ tiêu theo văn bản                                                | Nội dung chỉ tiêu của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Làm quen /dạy học |           | Mức 1     |           | Mức 2     |           | Mức 3     |           |
|-----|------------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|     |                  |               |                                                                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Chính phủ         | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa |
| 1   | Giáo dục mầm non | 2025-2030     | Triển khai cho trẻ em làm quen với tiếng Anh và tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1 | 100% số cơ sở giáo dục mầm non tại các thành phố, đô thị vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh; ít nhất 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 1.                                                                                                                                                                                                                                                           | 100% thuận lợi    | 100%      | ≥10%      | 10%       |           |           |           |           |
| 2   | Giáo dục mầm non | 2030-2035     | Bao phủ triển khai, vùng thuận lợi và tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-2         | Ít nhất 80% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh; 100% số cơ sở giáo dục mầm non vùng thuận lợi bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em mẫu giáo được làm quen với tiếng Anh; ít nhất 20% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước triển khai thực hiện việc đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2. | ≥80%              | 80%       | ≥20%      | 20%       | 10%       | 10%       |           |           |
| 3   | Giáo dục mầm non | Đến năm 2040  | Bao phủ triển khai và tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3                         | 90% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện cho trẻ em được làm quen với tiếng Anh để tạo nền tảng ban đầu, góp phần đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước đạt Mức độ 1; 15% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 3.                                                                                          | ≥90%              | 90%       | ≥30%      | 30%       | 15%       | 15%       | 5%        | 5%        |

| STT | Nhóm giáo dục      | Mốc/giai đoạn | Tên chỉ tiêu theo văn bản                                     | Nội dung chỉ tiêu của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Làm quen /dạy học |           | Mức 1     |           | Mức 2     |           | Mức 3     |           |
|-----|--------------------|---------------|---------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|-----------|
|     |                    |               |                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | Chính phủ         | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa |
| 4   | Giáo dục mầm non   | Đến năm 2045  | Bao phủ triển khai và tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3              | 100% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước bảo đảm điều kiện triển khai thực hiện việc cho trẻ em làm quen với tiếng Anh, tạo nền tảng, góp phần đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học. Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục mầm non trên cả nước đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục mầm non đạt Mức độ 3. | 100%              | 100%      | ≥50%      | 50%       | 20%       | 20%       | 10%       | 10%       |
| 5   | Giáo dục phổ thông | 2025-2030     | Dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1 và tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | 100% cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước dạy tiếng Anh bắt buộc từ lớp 1; ít nhất 20% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 5% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 2% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.                                                                                                                          | 100%              | 100%      | ≥20%      | 20%       | 5%        | 5%        | 2%        | 2%        |
| 6   | Giáo dục phổ thông | 2030-2035     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3                                    | Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 10% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.                                                                                                                                                                                                     |                   |           | ≥30%      | 30%       | 10%       | 10%       | 5%        | 5%        |
| 7   | Giáo dục phổ thông | Đến năm 2040  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3                                    | Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 15% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.                                                                                                                                                                                                    |                   |           | ≥40%      | 40%       | 15%       | 15%       | 10%       | 10%       |
| 8   | Giáo dục phổ thông | Đến năm 2045  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3                                    | Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục phổ thông trên cả nước đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục phổ thông đạt Mức độ 3.                                                                                                                                                                                                    |                   |           | ≥50%      | 50%       | 20%       | 20%       | 15%       | 15%       |



| STT | Nhóm giáo dục        | Mốc/giai đoạn | Tên chỉ tiêu theo văn bản  | Nội dung chỉ tiêu của Chính phủ                                                                                                                                                                                                              | Làm quen /dạy học |           | Mức 1     |                          | Mức 2        |                          | Mức 3        |                          |
|-----|----------------------|---------------|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|-----------|--------------------------|--------------|--------------------------|--------------|--------------------------|
|     |                      |               |                            |                                                                                                                                                                                                                                              | Chính phủ         | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa                | Chính phủ    | Thanh Hóa                | Chính phủ    | Thanh Hóa                |
| 9   | Giáo dục đại học     | 2025-2030     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục đại học trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 5% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 2 và 3% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3.  |                   |           | ≥20%      | ĐH Hồng Đức đạt Mức độ 1 | 5%           |                          | 3%           |                          |
| 10  | Giáo dục đại học     | 2030-2035     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 30% số cơ sở giáo dục đại học trên cả nước (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 1; 20% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3. |                   |           | ≥30%      |                          | 20%          | ĐH Hồng Đức đạt Mức độ 2 | 5%           |                          |
| 11  | Giáo dục đại học     | Đến năm 2045  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 2-3 | Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục đại học (ngoại trừ các cơ sở giáo dục đại học dùng ngoại ngữ khác tiếng Anh trong đào tạo) đạt Mức độ 2 và 25% số cơ sở giáo dục đại học đạt Mức độ 3.                                                         |                   |           |           |                          | ≥50%         |                          | 25%          | ĐH Hồng Đức đạt Mức độ 3 |
| 12  | Giáo dục nghề nghiệp | 2025-2030     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-2 | Ít nhất 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 5% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2.                                                                                                              |                   |           | ≥15%      | 15%                      | Phần đầu 5%  | Phần đầu 5%              |              |                          |
| 13  | Giáo dục nghề nghiệp | 2030-2035     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 35% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.                                                            |                   |           | ≥35%      | 35%                      | Phần đầu 10% | Phần đầu 10%             | Phần đầu 5%  | Phần đầu 5%              |
| 14  | Giáo dục nghề nghiệp | Đến năm 2040  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.                                                           |                   |           | ≥40%      | 40%                      | Phần đầu 15% | Phần đầu 15%             | Phần đầu 10% | Phần đầu 10%             |

| STT | Nhóm giáo dục         | Mốc/giai đoạn | Tên chỉ tiêu theo văn bản  | Nội dung chỉ tiêu của Chính phủ                                                                                                                                                                                                                                   | Làm quen /dạy học |           | Mức 1     |           | Mức 2        |              | Mức 3        |              |
|-----|-----------------------|---------------|----------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-----------|-----------|-----------|--------------|--------------|--------------|--------------|
|     |                       |               |                            |                                                                                                                                                                                                                                                                   | Chính phủ         | Thanh Hóa | Chính phủ | Thanh Hóa | Chính phủ    | Thanh Hóa    | Chính phủ    | Thanh Hóa    |
| 15  | Giáo dục nghề nghiệp  | Đến năm 2045  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên cả nước đạt Mức độ 1; phần đầu có 20% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục nghề nghiệp đạt Mức độ 3.                                                                                |                   |           | ≥50%      | 50%       | Phần đầu 20% | Phần đầu 20% | Phần đầu 15% | Phần đầu 15% |
| 16  | Giáo dục thường xuyên | 2025-2030     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-2 | Ít nhất 20% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 5% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2.                                                     |                   |           | ≥20%      | 20%       | Phần đầu 5%  | Phần đầu 5%  |              |              |
| 17  | Giáo dục thường xuyên | 2030-2035     | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 40% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 10% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 5% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.  |                   |           | ≥40%      | 40%       | Phần đầu 10% | Phần đầu 10% | Phần đầu 5%  | Phần đầu 5%  |
| 18  | Giáo dục thường xuyên | Đến năm 2040  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 50% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng các môn học khác bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 15% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 10% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3. |                   |           | ≥50%      | 50%       | Phần đầu 15% | Phần đầu 15% | Phần đầu 10% | Phần đầu 10% |
| 19  | Giáo dục thường xuyên | Đến năm 2045  | Tỷ lệ cơ sở đạt Mức độ 1-3 | Ít nhất 60% số cơ sở giáo dục thường xuyên trên cả nước (có đào tạo, bồi dưỡng tiếng Anh và bồi dưỡng bằng tiếng Anh) đạt Mức độ 1; phần đầu 20% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 2 và 15% số cơ sở giáo dục thường xuyên đạt Mức độ 3.                  |                   |           | ≥60%      | 60%       | Phần đầu 20% | Phần đầu 20% | Phần đầu 15% | Phần đầu 15% |

**PHỤ LỤC 2: DANH MỤC CÁC NHIỆM VỤ CỤ THỂ**  
(Kèm theo Kế hoạch số            /KH-UBND ngày        /        /2026 của UBND tỉnh)

| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                                      | Kết quả/sản phẩm                                                | Thời gian thực hiện |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------|---------------------|
| 1  | Tổ chức tuyên truyền, xây dựng chuyên mục, tin bài và các sản phẩm truyền thông về triển khai Đề án trên các phương tiện thông tin đại chúng và nền tảng số | Sở GDĐT                         | Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan                  | Kế hoạch và các sản phẩm truyền thông được triển khai           | Từ năm 2026         |
| 2  | Tổ chức tuyên truyền trên hệ thống báo chí, truyền thông và thiết chế văn hóa                                                                               | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở GDĐT, cơ quan báo chí, UBND cấp xã                 | Kế hoạch, chuyên mục, sản phẩm truyền thông                     | Từ năm 2026         |
| 3  | Tổ chức triển khai các cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh trên địa bàn tỉnh                                   | Sở GDĐT                         | Các sở, ngành, đơn vị liên quan                       | Cơ chế, chính sách được tham mưu ban hành và tổ chức triển khai | Từ năm 2026         |
| 4  | Hướng dẫn, tổ chức triển khai xây dựng môi trường song ngữ trong các cơ sở giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế                                           | Sở GDĐT                         | UBND các xã, phường; cơ sở giáo dục                   | Kế hoạch, hướng dẫn và báo cáo triển khai môi trường song ngữ   | Thường xuyên        |
| 5  | Rà soát, khảo sát, đánh giá thực trạng và năng lực đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên dạy tiếng Anh và dạy các môn bằng tiếng Anh                | Sở GDĐT                         | UBND các xã, phường; cơ sở giáo dục; đơn vị liên quan | Báo cáo rà soát, đánh giá đội ngũ                               | 2026- 2027          |
| 6  | Xây dựng kế hoạch, hướng dẫn tuyển dụng giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh                                                         | Sở GDĐT                         | Sở Nội vụ; các đơn vị liên quan                       | Kế hoạch, hướng dẫn tuyển dụng                                  | Hàng năm            |
| 7  | Tham mưu UBND tỉnh bổ sung biên chế, vị trí số lượng người làm giáo viên tiếng Anh                                                                          | Sở Nội vụ                       | Sở GDĐT                                               | Quyết định/Phương án biên chế                                   | Từ năm 2026         |
| 8  | Hướng dẫn, kiểm tra việc xây dựng vị trí việc làm trong các cơ sở giáo dục                                                                                  | Sở Nội vụ                       | UBND cấp xã, Sở GDĐT                                  | Báo cáo kiểm tra, hướng dẫn                                     | Thường xuyên        |
| 9  | Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh                                             | Sở GDĐT                         | Các đơn vị liên quan                                  | Kế hoạch bồi dưỡng theo lộ trình                                | Từ năm 2026         |
| 10 | Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực tiếng Anh, năng lực sư phạm và phương pháp giảng dạy cho đội ngũ giáo viên                                     | Sở GDĐT                         | Các đơn vị liên quan                                  | Chương trình đào tạo, bồi dưỡng được triển khai                 | Từ năm 2026         |
| 11 | Tổ chức triển khai chương trình tiếng Anh ở các cấp học theo quy định của Bộ GDĐT                                                                           | Sở GDĐT                         | UBND các xã, phường; cơ sở giáo dục                   | Chương trình được triển khai theo quy định                      | Từ năm 2026         |
| 12 | Tổ chức thi điểm và từng bước mở rộng dạy học một số môn học và hoạt động giáo dục bằng tiếng Anh                                                           | Sở GDĐT                         | UBND các xã, phường; cơ sở giáo dục; đơn vị liên quan | Mô hình thi điểm được triển khai và nhân rộng                   | Từ năm 2026         |

| TT | Tên nhiệm vụ                                                                                                                                       | Cơ quan chủ trì                 | Cơ quan phối hợp                      | Kết quả/sản phẩm                                               | Thời gian thực hiện |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------|---------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------|
| 13 | Tổ chức xây dựng, khai thác và sử dụng học liệu số, học liệu mở phục vụ dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh                                | Sở GDĐT                         | Các đơn vị liên quan                  | Hệ thống học liệu số, học liệu mở được triển khai              | Thường xuyên        |
| 14 | Xây dựng và triển khai chương trình đào tạo giáo viên dạy các môn bằng tiếng Anh                                                                   | Trường ĐH Hồng Đức              | Sở GDĐT; đơn vị liên quan             | Chương trình đào tạo được mở và triển khai                     | Từ năm 2029         |
| 15 | Phối hợp bồi dưỡng giáo viên tiếng Anh và giáo viên dạy bằng tiếng Anh                                                                             | Trường ĐH Hồng Đức              | Sở GDĐT                               | Chương trình bồi dưỡng                                         | Từ năm 2026         |
| 16 | Nghiên cứu, phát triển chương trình, học liệu, mô hình dạy học bằng tiếng Anh                                                                      | Trường ĐH Hồng Đức              | Sở GDĐT, Sở KH&CN                     | Chương trình, tài liệu, mô hình                                | Từ năm 2026         |
| 17 | Đổi mới phương pháp dạy học; tổ chức các hoạt động trải nghiệm, ngoại khóa, giao lưu nhằm tăng cường môi trường sử dụng tiếng Anh trong nhà trường | Sở GDĐT                         | UBND các xã, phường; cơ sở giáo dục   | Các hoạt động đổi mới, trải nghiệm, ngoại khóa được triển khai | Thường xuyên        |
| 18 | Xây dựng môi trường học tập, không gian sử dụng tiếng Anh tại thiết chế văn hóa, khu, điểm du lịch                                                 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở GDĐT, UBND cấp xã                  | Mô hình không gian học tập, đọc, giao tiếp tiếng Anh           | Từ năm 2026         |
| 19 | Lồng ghép phát triển môi trường sử dụng tiếng Anh trong hoạt động du lịch, dịch vụ                                                                 | Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch | Sở GDĐT, doanh nghiệp                 | Hoạt động, mô hình thực tiễn                                   | Thường xuyên        |
| 20 | Xây dựng, triển khai hệ thống nền tảng số, học liệu số và tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá trực tuyến                                           | Sở GDĐT                         | Các đơn vị liên quan                  | Hệ thống nền tảng số, dạy học trực tuyến được triển khai       | Từ năm 2026         |
| 21 | Hướng dẫn, thẩm định giải pháp công nghệ, nền tảng số, học liệu số                                                                                 | Sở KH&CN                        | Sở GDĐT                               | Văn bản hướng dẫn/ý kiến thẩm định                             | Từ năm 2026         |
| 22 | Tham mưu, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ về dạy học ngoại ngữ                                                                       | Sở KH&CN                        | Sở GDĐT, ĐH Hồng Đức                  | Đề tài, nhiệm vụ KH&CN                                         | Từ năm 2026         |
| 23 | Tổ chức kiểm tra, đánh giá năng lực tiếng Anh của người học theo quy định và lộ trình phù hợp                                                      | Sở GDĐT                         | Các cơ sở giáo dục                    | Kế hoạch, hướng dẫn kiểm tra, đánh giá được ban hành           | Từ năm 2026         |
| 24 | Tổ chức khảo sát, đánh giá năng lực tiếng Anh của người học phục vụ công tác quản lý và điều chỉnh hoạt động dạy học                               | Sở GDĐT                         | Các cơ sở giáo dục                    | Báo cáo khảo sát, đánh giá định kỳ                             | Từ năm 2026         |
| 25 | Tăng cường các hoạt động hỗ trợ người học sử dụng tiếng Anh trong học tập, giao tiếp và định hướng nghề nghiệp                                     | Sở GDĐT                         | Các cơ sở giáo dục; tổ chức liên quan | Các hoạt động hỗ trợ người học được triển khai                 | Từ năm 2026         |
| 26 | Rà soát điều kiện cơ sở vật chất phục vụ dạy học tiếng Anh, dạy học bằng tiếng Anh                                                                 | Sở GDĐT                         | UBND các xã, phường; cơ sở giáo dục   | Báo cáo rà soát điều kiện cơ sở vật chất                       | 2026- 2027          |

| <b>TT</b> | <b>Tên nhiệm vụ</b>                                                                                                                 | <b>Cơ quan chủ trì</b> | <b>Cơ quan phối hợp</b>       | <b>Kết quả/sản phẩm</b>                            | <b>Thời gian thực hiện</b> |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|-------------------------------|----------------------------------------------------|----------------------------|
| 27        | Đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học ngoại ngữ phục vụ dạy học tiếng Anh                                            | Sở GDĐT                | Các đơn vị liên quan          | Cơ sở vật chất, thiết bị được đầu tư, nâng cấp     | Từ năm 2026                |
| 28        | Tham mưu cho UBND tỉnh bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch theo lộ trình                                                             | Sở Tài chính           | Sở GDĐT, các đơn vị liên quan | Phương án phân bổ kinh phí hàng năm/giai đoạn      | Hàng năm                   |
| 29        | Hướng dẫn cơ chế quản lý, sử dụng kinh phí và xã hội hóa                                                                            | Sở Tài chính           | Sở GDĐT                       | Văn bản hướng dẫn                                  | Hàng năm                   |
| 30        | Tổ chức tập huấn đội ngũ về năng lực ứng dụng công nghệ trong dạy học và quản lý dạy học tiếng Anh                                  | Sở GDĐT                | Các đơn vị liên quan          | Chương trình tập huấn được triển khai              | Từ năm 2026                |
| 31        | Tổ chức các cuộc thi, hoạt động chuyên môn về dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh                                           | Sở GDĐT                | Các đơn vị liên quan          | Các cuộc thi, hoạt động chuyên môn được tổ chức    | Hàng năm                   |
| 32        | Tăng cường hợp tác quốc tế; triển khai các hoạt động hợp tác, trao đổi giáo viên, học sinh và tiếp nhận các mô hình dạy học phù hợp | Sở GDĐT                | Sở Ngoại vụ; đơn vị liên quan | Các chương trình hợp tác quốc tế được triển khai   | Từ năm 2026                |
| 33        | Kết nối, mở rộng hợp tác quốc tế trong giáo dục tiếng Anh                                                                           | Sở Ngoại vụ            | Sở GDĐT                       | Chương trình hợp tác, biên bản ghi nhớ             | Từ năm 2026                |
| 34        | Hỗ trợ triển khai các chương trình trao đổi giáo viên, học sinh, chuyên gia quốc tế                                                 | Sở Ngoại vụ            | Sở GDĐT, cơ sở giáo dục       | Chương trình trao đổi được triển khai              | Thường xuyên               |
| 35        | Hỗ trợ thu hút chuyên gia, tình nguyện viên bản ngữ tham gia giảng dạy                                                              | Sở Ngoại vụ            | Sở GDĐT                       | Số lượng chuyên gia, chương trình triển khai       | Từ năm 2026                |
| 36        | Phát động phong trào thi đua triển khai các nhiệm vụ đưa tiếng Anh thành ngôn ngữ thứ hai trong trường học                          | Sở GDĐT                | Các đơn vị liên quan          | Phong trào thi đua được phát động và triển khai    | Hàng năm                   |
| 37        | Xây dựng và nhân rộng mô hình cơ sở giáo dục điển hình trong triển khai dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh                 | Sở GDĐT                | Các đơn vị liên quan          | Mô hình điển hình được xây dựng và nhân rộng       | Từ năm 2026                |
| 38        | Tổ chức kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết                                                                                        | Sở GDĐT                | Các sở, ngành liên quan       | Báo cáo kiểm tra, sơ kết, tổng kết                 | Theo các giai đoạn         |
| 39        | Tổ chức hội thảo, hội nghị trao đổi kinh nghiệm, giải pháp trong triển khai dạy học tiếng Anh và dạy học bằng tiếng Anh             | Sở GDĐT                | Các đơn vị liên quan          | Hội thảo, hội nghị được tổ chức và báo cáo kết quả | Hàng năm                   |